

SỐ 1562

LUẬN
A TỶ ĐẠT MA THUẬN
CHÁNH LÝ

Tác giả: Tôn giả Chúng Hiền.

Hán dịch: Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng Đời Đường.

QUYỂN 1

Phẩm 1: NÓI VỀ BẢN SỰ
(PHẦN 1)

*Bậc Nhất thiết chủng diệt các “Minh”
Vớt chúng sinh khỏi bùn sinh tử
Kính lạy thầy như lý, như thế
Luận Đối pháp tạng, con sẽ nói.*

Luận nói: Các vị muốn soạn luận, thì phải có chỗ y cứ đối với lý tôn minh thì trước phải quy kính. Do đó, Kinh chủ quán sát các thế gian, đều bị các tà sư, dị luận mê hoặc. Thấy mình đã là tất cả các “Minh” (tối tăm) lập giáo không giả dối, ngự ở ngôi vị Đại sư, thành tựu công đức bất cộng tôn thắng, làm duyên dẫn phát tâm tịnh tín ân trọng. Vì muốn lưu thông chánh giáo do Ngài đã lập, nên trước ca ngợi lễ, bái công đức viên mãn, lợi mình, lợi người của Phật Bạc-già-phạm để biểu hiện niềm lành tốt đẹp, cho pháp mở đầu luận này. Trong đây, trí đức, và đoạn Đức Thế Tôn đều đầy đủ, tự lợi viên mãn, ân đức đầy đủ, nên lợi tha viên mãn. Vì sao? Vì tất cả chúng “Minh” đều diệt hẳn, nên trí đức viên mãn. Vì các cảnh giới “Minh” cũng diệt hẳn, nên đoạn đức

viên mãn. Duỗi tay chánh giáo, cứu vớt chúng sinh ra khỏi bùn sinh tử, nên ân đức viên mãn. Thanh văn, Độc giác mặc dù đã phá các minh, nhưng cũng chưa thể diệt tất cả chủng minh, nên không thành tựu Nhất thiết chủng trí, chưa đức tất cả vô tri sai khác vì không thực hành, trí nên ý ưa tùy miên, thiếu tri tuệ v.v... nên không thể như lý cứu vớt hữu tình. Vì đức lợi mình, lợi người chưa viên mãn, nên dù có Thánh đức, nhưng không gọi là bậc thầy. Chỉ có Phật, Đức Thế Tôn, hai đức viên mãn, thuận hợp, cứu vớt tất cả hữu tình thành tựu việc ít có, tiếng tốt rộng lớn ngự ở ngôi vị tôn quý tột cùng với hiệu riêng là Đại sư. Vì thế, nên trước hết, ca ngợi lễ bái công đức của Đại sư, để mở đầu cho việc giảng nói luận Đối pháp tạng. Đối pháp là gì?

Tụng nói:

*Tuệ tịnh tùy hành, gọi Đối pháp
Và đạt được các tuệ luận này.*

Luận nói: Tuệ nghĩa là trạch pháp, tịnh nghĩa là vô lậu, các lậu, gọi là cấu, vì trạch pháp lia cấu, nên gọi là tuệ tịnh.

Hỏi: Vì sao biết được tuệ vô lậu này gọi là đối pháp?

Đáp: Vì Phật, Đức Thế Tôn đã cho Thiên Đế v.v... tùy ý hỏi. Như Khế kinh nói: Như lai có A-tỳ-đạt-ma và Tỳ-nại-da sâu xa, ông tùy ý hỏi.

Đây là nói về Thánh đạo và quả của Thánh đạo. Tùy ý trời Đế Thích thưa hỏi. Theo ý thưa hỏi như Phiệt-ta, cũng thế.

Hỏi: Lại vì sao chỉ tuệ vô lậu được gọi là đối pháp?

Đáp: Do hiện quán tướng các pháp này rồi, không còn mê lại. Há chẳng phải hiện quán chẳng phải chỉ là của tuệ có khả năng. Cho nên Đối pháp, lẽ ra chẳng phải chỉ có tuệ? Thật ra chẳng phải chỉ có tuệ, nghĩa là và tùy hành.

Hỏi: Sao gọi là tùy hành?

Đáp: Nghĩa là tuệ tùy sự chuyển các pháp tâm sở như sắc, thọ, tưởng, v.v... mà được sinh khởi cùng tâm. Cho nên ở đây đều nói về tùy hành của tịnh tuệ. Năm uẩn vô lậu gọi là Đối pháp.

Hỏi: Vì sao không nói tùy hành như thọ v.v... gọi là Đối pháp?

Đáp: Vì tuệ đối với ba hiện quán như kiến v.v... đều có khả năng, nên sinh v.v... và sắc có sự, chẳng phải khác. Thọ v.v... chỉ duyên chung với hiện quán về sự. Thọ v.v... đều có công dụng lãnh nạp v.v... Như tuệ có khả năng nhận thức, nên gọi là Đối pháp. Thọ v.v... như người mù, Há gọi là Đối pháp? Vì không thể phân biệt bốn Thánh đế, do đối với hiện giác về tướng khổ, v.v... chỗ nhận thức nơi hiện quán kia rất là

thù thắng, vì giản trạch đối với các đế chuyển biến, nêu Thọ v.v... tuy hiện hành chung với tuệ tịnh, nhưng vì sức tuệ duy trì lôi kéo dẫn đến các cảnh của đế kia, nên trong hiện quán, chẳng phải là hơn hết. Do đó, thành tựu căn tuệ vô lậu, gọi là A-tỳ-đạt-ma thắng nghĩa.

Hỏi: Có khi nào có A-tỳ-đạt-ma thế tục quán về đế kia, nên nói đây là thắng nghĩa hay chẳng?

Đáp: Có, Nghĩa là có thể đạt được các tuệ luận ấy. Đây là tuệ căn vô lậu sở đắc. Có thể được các tuệ, nghĩa là tu tuệ, tư tuệ, văn tuệ thù thắng của thế gian kia, và tùy hành kia. Không lìa tuệ như thế và tùy hành mà tuệ căn vô lậu có thể chứng đắc. Vì tuệ kia là chủ thể đạt được phương tiện này, nên đồng với tuệ vô lậu, được gọi là Đối pháp. Như phương tiện của tâm từ cũng gọi là từ v.v... Có thể đạt được các luận, nghĩa là A-tỳ-đạt-ma căn bản kia là các tư lương thù thắng của tuệ vô lậu nên cũng gọi là Đối pháp. Như dị thực của nghiệp, tư lương như lậu v.v... cũng gọi là Nghiệp.

Các tuệ trước kia nói, cũng gọi là sinh đắc. Nếu lìa tuệ sinh đắc thì không thể trì tụng chánh giáo Đối pháp. Chỉ có tuệ sinh đắc mới có thể trì tụng đúng pháp đối với Khế kinh, nên tuệ sinh đắc kia cũng gọi là A-tỳ-đạt-ma, Há luận này chẳng phải tư lương thù thắng của tuệ vô lậu này nên cũng gọi là Đối pháp.

Hỏi: Vì sao gọi Đối Pháp?

Luận Câu Xá, Tụng nói:

*Thâu nhiếp Thắng nghĩa, dựa thắng nghĩa
Đây lập Đối pháp gọi Câu Xá.*

Luận nói: Đây là Y chủ giải thích và Hữu tài thích.

Tạng, nghĩa là chắc thật, cũng như tạng của cây. Các nghĩa chắc thật trong luận Đối pháp đều gom vào đây, là tạng kia, nên gọi là tạng Đối pháp. Tức là nghĩa chắc thật của Đối pháp. Tạng hoặc là chỗ nương dựa, cũng như bao dao, tức Đối pháp kia là chỗ nương tựa của luận này, vì dẫn phát nghĩa ngôn kia, nên soạn luận này. Luận này lấy Đối pháp kia làm tạng gọi là tạng Đối pháp, tức Đối pháp ấy là nghĩa chỗ nương tựa. Chỗ nương tựa của luận này là A-tỳ-đạt-ma.

Vì lý do gì mà nói?

Ai lại là người nói trước?

Dù không nên hỏi về người nói Đối pháp, nhưng Phật dạy: “Nương vào pháp, không nương vào người”, muốn, phải dùng người làm lượng: Ở đây và câu hỏi trước, nay sẽ đáp chung.

Tụng nói:

*Nếu lia trạch pháp, không pháp khác
Hay diệt các Hoặc tối phương tiện
Thế gian do Hoặc trôi biển “hữu”
Thừa sự chư Phật thuyết Đối pháp.*

Luận nói: Do lia trạch pháp, không có phương tiện thù thắng để diệt trừ các hoặc, sinh khổ nơi thế gian. Nên Đức Thế Tôn nói: Nếu đối với một pháp chưa thông, chưa biết, thì Như lai không bao giờ nói là có thể chính thức dứt hết khổ. Vì thế gian chưa diệt các phiền não, nên sinh tử luân hồi, trong biển ba “hữu. Vì khiến cho thế gian tu tập trạch pháp để diệt các phiền não, nên nói: Do đó, Phật nói Đối pháp. Nếu Phật không nói, thì các bậc Đại Thanh văn như Xá-lợi tử v.v... cũng không thể phân biệt, lựa chọn đúng như lý đối với các pháp tướng. Cho nên, chỗ nương dựa căn bản của luận này, A-tỳ-đạt-ma, nhất định là Phật nói. Kinh chủ ca ngợi, truyền tụng hiển bày rồi, vẫn không tin A-tỳ-đạt-ma là do Phật nói.

Hỏi: Vì sao không tin?

Đáp: Vì nghe nói là do Tôn giả Ca-đa-diễn-ni tử v.v... soạn nên không nói Đối pháp là chỗ nương dựa. Như Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan-đà: “Từ nay, các thầy nên căn cứ ở lượng kinh, vì tông nghĩa Đối pháp của các bộ đều khác nhau”. Điều này đều không đúng, vì các vị Đại Thanh văn thuận theo Thánh giáo của Phật mà kết tập, nên luận A-tỳ-đạt-ma được Đức Phật thừa nhận, cũng gọi là Phật nói, thuận với trí nhận biết khắp về nhân quả tạp nhiễm, thanh tịnh, như các Khế kinh. Nếu Phật đã thừa nhận mà không gọi là Phật nói, phải chăng là nên bỏ? Vô lượng Khế kinh, nếu không nói là dựa vào chẳng phải lời Phật, thì tạng Tỳ-nại-da lẽ ra chẳng phải do Phật nói, tức khi sắp nhập Niết-bàn, Phật không khuyên nên nương tựa vào đó. Nếu nói là cũng khuyên Bí-sô dựa vào Kinh Biệt Giải Thoát, thì không có lỗi này, cho nên thừa nhận rộng về Tỳ-nại-da chẳng phải do Phật nói điều ấy chẳng phải là lượng định.

Nếu Tỳ-nại-da, tức là giải thích rộng về gốc của giới kinh, nên là do Phật nói, thì A-tỳ-đạt-ma là giải thích rộng về Khế kinh. Vì sao chỉ nghi ngờ chẳng phải do Phật nói? Lại, tức tuệ uẩn cùng với tùy hành và tư lương thù thắng, gọi là Đối pháp. Trong bốn sự nương dựa thì nói trí là đối tượng được nương tựa, không nói là dựa vào ngôn từ, có lỗi không thành. Lại, chỗ dựa kia chỉ nói về kinh, chẳng phải sự nương dựa cố định, mà không nói là A-tỳ-đạt-ma và Tỳ-nại-da đã nương dựa có khác. Lại, nhất định phải cho A-tỳ-đạt-ma là sự khác nhau của kinh,

nên thành chỗ nương dựa, hoặc ứng tụng, v.v... cũng chẳng phải chỗ nương tựa.

Vì Đức Thế Tôn chỉ khuyên nương theo kinh lượng. Lại, nay nói nương dựa là muốn nói lên nghĩa gì? Nếu nói lên nghĩa lượng thì về mặt lý chưa hẳn là đúng. Sao Đức Thế Tôn trước nói về bốn lượng, mà nay chỉ nói kinh là lượng? Hoặc lẽ ra ở thời trước chỗ nương dựa chỉ nói một? Do ba thứ như pháp, v.v... thuộc về ba kinh? Hoặc tức ở kinh kia đã ngăn người nương, cũng tức là khuyên dựa vào sự khác nhau của kinh. Mà nay lại nói có lỗi, luống uổng, cho nên nay nói nương vào lẽ ra, hiển bày nghĩa khác, tức từ xưa đến nay, tâm ông lệ thuộc vào ngã, đó là nương vào Bồ-đặc-già-la. Từ nay, về trước do chỗ trải qua không khác, nên chỉ nương vào kinh, đừng để quên mất! Lại, nay nói kinh là nói chung về tất cả Thánh giáo của Như lai. Nếu không như vậy, thì các giáo pháp như Ứng tụng v.v... lẽ ra chẳng phải là chỗ nương, mà Đức Phật lại khuyên nên dựa vào biệt giải thoát là nhằm khiến người tu hành phải khởi tâm tôn trọng đối với giới. Do giới kinh kia, không nên tìm cầu về nghĩa, chỉ phải cung kính, như lời Phật dạy mà thực hành. Người hủy phá trọng giới mà không thể tu tập đối trị, nên Phật lại khuyên nên nương tựa vào giới, khiến giới được kiên trì, do đó nói: Nương tựa, chẳng phải chỉ là nghĩa lượng.

Lại, Phật khuyên Tôn giả A-nan dựa vào kinh lượng, chính là khuyên dựa vào A-tỳ-đạt-ma, là lượng của kinh, nên gọi là kinh lượng, chính là tất cả nghĩa nhất định của các kinh. A-tỳ-đạt-ma có thể quyết định nghĩa các kinh, phán quyết liễu nghĩa, không liễu nghĩa. Của kinh A-tỳ-đạt-ma gọi là có khả năng thâm nhiếp chung, không trái với lời nói, lý lẽ của Thánh giáo, nên thuận với lý này, nên gọi là kinh liễu nghĩa, trái lại là không liễu nghĩa. Không liễu nghĩa e trái với pháp tánh. Dựa vào lý giáo, chân chính, ý nên cầu ý chỉ. Nếu khác với đây, thì như trước chỉ nói: “Dựa vào kinh liễu nghĩa”, nay cũng nên như vậy, chỉ khuyên dựa vào kinh, không nên nói lượng. Vì chỗ nói về sự dị biệt nơi tông, nghĩa của các bộ A-tỳ-đạt-ma, nên cho chẳng phải là Phật nói. Tức kinh cũng nên như thế. Vì có sự khác nhau của nghĩa văn hiện thấy trong kinh của các bộ, do kinh có khác nhau nên nghĩa, tông không đồng. Nghĩa là có các bộ tụng kinh bảy hữu, trong Đối pháp kia kiến lập trung hữu.

Như thế kiến lập hiện quán dần dần v.v... ca ngợi kinh với những môn khác về chỗ căn bản tu học, nói là trong Nhất Thiết Hữu Bộ chẳng tụng nhiều kệ kinh về dụ vỗ tay v.v.... Ở trong các bộ khác là chỗ

chưa từng tụng. Tuy có nhiều kinh mà các bộ đồng tụng, nhưng, câu văn ấy có khác nhau, nghĩa là có kinh nói: A-thị-đa, ông ở đời vị lai, sẽ thành Đẳng chánh giác, chẳng phải đen, chẳng phải trắng, do nghiệp dị thực v.v... chẳng phải đen, chẳng phải trắng v.v..., với vô lượng tên, các bộ đều bất đồng. Vì thế, không nên do tông nghĩa dị biệt, mà cho là A-tỳ-đạt-ma chẳng phải do Phật nói. A-tỳ-đạt-ma nhất định là Phật nói. Vì Phật thâm nhiếp ba tạng giáo pháp nên như Đức Thế Tôn nói: “Người già tám, chín mươi tuổi xuất gia, thọ trì ba tạng của ta rất là khó được”.

Nếu cho lời nói này của Đức Thế Tôn dựa vào tạp tạng mà nói, về mặt lý, thì không đúng, vì tạng kia tức là sự sai khác của kinh, nên không hề có chỗ nào nói, vì thọ trì riêng kinh kia, nên chỉ có chỗ nói là trì tụng Tố-đất-lãm và Tỳ-nại-da, Ma-đất-lý-ca, mà không có chỗ khác nói là thọ trì tạp tạng, cũng không thể nói tạp tạng tức là Ma-đất-lý-ca. Do giải thích riêng, nên như Đại Tôn giả Ca-diếp-ba nói: Ma-đất-lý-ca, gọi là nêu ra những gì?

Nghĩa là bốn niệm trụ, nói rộng cho đến tám chi Thánh đạo, bốn chánh hạnh, bốn dấu vết pháp, bốn vô ngại giải. Các bờ mé hiện quán về không - không, vô nguyện - vô nguyện, vô tướng - vô tướng. Các trí thế tục xen lẫn lự tu tập, nguyện trí vô tránh, trí định bờ mé, pháp chỉ quán v.v... và nêu bày pháp uẩn nơi chỗ tích tập các môn khác. Các loại như thế v.v... tất cả được gọi chung là Ma-đất-lý-ca, chẳng phải trong tạp tạng. Vì các pháp này đầy đủ, có thể đạt được, nên nó là tạp tạng, tức là phần thứ ba, chẳng phải là khéo nói. Lại, Khế kinh nói: “Đối với A-tỳ-đạt-ma, A-tỳ Tỳ-nại-da, phải nên siêng năng tu học, nên biết là Phật nói A-tỳ-đạt-ma”.

Hỏi: Nếu vậy, tạng A-tỳ Tỳ-nại-da lẽ ra là phần thứ tư?

Đáp: Không đúng, vì thừa nhận tạng Tỳ-nại-da, tức là A-tỳ Tỳ-nại-da, tất cả đạo luận tương ứng với Thi-la tăng thượng tối thắng, do có thể hiện đối với Tỳ-nại-da, nên gọi là A-tỳ Tỳ-nại-da. Tất cả đạo luận tương ứng với tánh tướng, của các pháp sâu xa, do có thể hiện bày tướng tánh của Đối pháp, nên gọi là A-tỳ-đạt-ma, hoặc các Khế kinh gọi là Đạt-ma. Luận có khả năng quyết định lựa chọn nghĩa hiện tiền của Khế kinh kia nên gọi là biệt giải thoát A-tỳ-đạt-ma, vốn gọi là Tỳ-nại-da luật, chỉ nói rộng về duyên khởi hiện tiền, gọi là A-tỳ Tỳ-nại-da. Cho nên, chỗ đã nói không trở thành hoài nghi, vấn nạn. Lại là chỗ thâm nhiếp của ba uẩn trong Thánh giáo của Phật cũng như Khế kinh, tạng Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma nhất định thuộc về lượng thích ứng. Kinh

Chánh Pháp Diệt cũng nói thế này:

*A-tỳ-đạt-ma Tỳ-nại-da
Nghĩa vẫn chính trong A-cấp-ma
Sẽ có các đệ tử chẳng truyền
Sợ nghe nơi mình có xem nhẹ.*

Lại, nói pháp này, Tỳ-nại-da này, giáo pháp của Đại sư này tức là Đối pháp. Trong Kinh Hiện Kiến, có sự của câu trước. Đôi khi sự kia rời câu trước mà nói, như Chánh đẳng giác, hoặc chỉ nói giác. Thi-la tăng thượng, chỉ nói là Thi-la. Như các dục tham v.v... chỉ nói là tham v.v... nên biết pháp này tức là Đối pháp. Đức Thế Tôn có chỗ cũng dùng phương tiện là pháp thanh nói có A-tỳ-đạt-ma, nghĩa là nếu có chỗ nói thuận theo Khế kinh, hiển bày Tỳ-nại-da, không trái với pháp tánh, nên thuận theo giáo lý bình đẳng này mà tin biết A-tỳ-đạt-ma thật là Phật nói. Tội hủy báng chánh pháp là hết sức đáng sợ. Người chớ tự ái, tập nói, làm ác, chê bai Đối pháp, cho là chẳng phải Phật nói. Luận bàn thêm đã xong.

Như trên đã nói: “Vì khiến thế gian tu tập trạch pháp, do đó Phật nói A-tỳ-đạt-ma”.

Hỏi: Những gì gọi là pháp bị giản trạch kia?

Tụng nói:

*Pháp hữu lậu vô lậu
Hữu vi trừ đạo đế
Nương kia lậu tăng trưởng
Nên nói là hữu lậu.
Vô lậu là Đạo đế
Và ba loại vô vi
Hư không và hai diệt
Hư không vốn vô ngại
Trạch diệt không hệ thuộc
Tùy đấy trạch diệt khác
Ngăn rốt ráo sẽ sinh
Riêng được phi trạch diệt*

Luận nói: Nói tất cả pháp, lược có hai thứ:

1. Hữu lậu.
2. Vô lậu.

Đây là nói chung, kế sẽ giải thích riêng. Trừ đạo Thánh đế, các pháp hữu vi còn lại gọi là hữu lậu.

Hỏi: Đây lại là thế nào?

Đáp: Nghĩa là năm thủ uẩn: sắc cho đến thức. Như nói: Vì sao gọi là sắc thủ uẩn? Nghĩa là sắc hữu lậu thuận theo các thủ, nói rộng cho đến thức cũng như thế.

Hỏi: Vì sao thủ uẩn gọi là hữu lậu?

Đáp: Vì ở trong các uẩn kia, lậu tăng theo có các phiền não như thân kiến v.v... Ở đấy, lập lậu gọi là tướng vì khiến tâm nhiễm ô, do thường rỉ chảy ra các phiền não tương ứng với lậu và cảnh giới lậu. Lậu theo đấy tăng trưởng nên gọi là lậu tùy tăng. Về nghĩa miên tùy tăng, ở sau sẽ nói rộng.

Do ở đấy đã ngăn không đồng với giới địa và duyên vô lậu. Cảnh giới phiền não, hữu lậu tùy miên, vì kia đây lần lượt không tăng theo, nên chẳng phải là cùng đối để lập hai tên gọi như thế.

Hỏi: Hữu lậu, vô lậu lại có tướng gì?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Pháp hữu lậu là tất cả sắc thuận theo các thủ, là nghĩa có thể làm tăng trưởng các hữu thủ, nói rộng cho đến thức cũng như thế. Trái với pháp hữu lậu này là pháp vô lậu”.

Hữu lậu, vô lậu với tướng lược nêu như thế. Nhằm phân biệt rộng, lại nói: Nghĩa là tất cả các sắc về quá khứ, vị lai, hiện tại, sinh trưởng hiện bày ra tham, hoặc giận, hoặc si, hoặc tùy theo mỗi các pháp tâm sở là tùy phiền não khác, cho đến nói rộng.

Hỏi: Lại, vì nghĩa gì mà nói như thế?

Đáp: Vì phân biệt khác, thuận với nghĩa các thủ.

Nếu vậy, chỉ nên nói chủ thể sinh trưởng các phiền não như tham v.v... hoặc tùy theo mỗi tùy phiền não khác, chẳng phải nói về tướng chung để có thể, biết rõ. Vì khiến cho tất cả nhận biết riêng về nghĩa, nên chẳng phải tất cả, tất cả phiền não đều có thể hiện hành, nên chỉ nói chung, hoặc tùy theo nơi mỗi mỗi tùy phiền não khác. Lại, hành tướng của các tùy miên thì vi tế. Phần vị hiện hành của phiền não kia có chỗ chẳng thể nhận biết. Còn hành tướng của phần v.v... vì là thô, hiển lộ rõ nên dễ biết, nên chỉ nói chung các tùy phiền não khác, hoặc tùy theo thế gian, gọi là hữu lậu thế gian. Gọi là rơi vào thế gian, nghĩa là ở nơi thế gian, không thể vượt ra. Căn cứ ở thế của khổ đế, đặt tên là thế gian, nên Khế kinh nói: “Ta sẽ vì ông tuyên thuyết thế gian và tập của thế gian”. Lại nói: “Quán tập của thế gian, ở thế gian là không, là vì chẳng phải có, cho đến nói rộng”.

Hỏi: Lại làm thế nào để biết?

Đáp: Các pháp tùy theo thế gian đều gọi là hữu lậu, như Khế kinh nói: “Ta sẽ vì ông nói pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Pháp hữu lậu, nghĩa

là các thứ thuộc về mắt, các thứ thuộc về sắc, các nhãn thức hiện có, các nhãn xúc hiện có. Các nhãn xúc hiện có do nhãn xúc làm nội duyên sinh ra Hoặc lạc thọ, hoặc khổ thọ, hoặc bất khổ, bất lạc thọ”.

Như thế cho đến tùy ý thế gian, tùy pháp thế gian, ý thức tùy theo nơi thế gian, xúc ý tùy theo nơi thế gian. Nói rộng cho đến gọi là pháp hữu lậu.

Pháp vô lậu, nghĩa là ý xuất thế gian, pháp xuất thế gian, ý thức xuất thế gian, nói rộng cho đến gọi là pháp vô lậu. Căn cứ theo Thánh ngôn này và do chánh lý, tướng của pháp hữu lậu, vô lậu được thành lập. Không có pháp nào tự tạo ra. Ví dụ như luận sư trái lý, trái kinh, giả tạo ra thuyết này. Chẳng phải là hữu tình thường lìa lỗi lầm nơi tất cả sắc trong thân được gọi là pháp vô lậu, điều này hẳn là không đúng, vì trái với Khế kinh, như Khế kinh nói: “Nghĩa là tất cả các sắc, ở quá khứ, vị lai, hiện tại, sinh trưởng hiện ra tham, hoặc giận, hoặc si, cho đến nói rộng”. Chẳng phải hữu tình thường lìa tất cả sắc trong thân đã có thể sinh trưởng tham v.v... của hữu tình, làm sao gọi là vô lậu?

Vì sao? Vì không so sánh với Chỉ-man (Ương-quật-ma-la) Ô-lô-tần-loa Ca-diếp-ba v.v... Vì duyên nơi thân Đức Thế Tôn mà sinh trưởng các lậu như tham, giận, si v.v... Người kia chấp ở lời nói, chẳng phải phần thứ bảy của cảnh, mà dựa vào phần thứ bảy, như dầu ở cây mè, là chỗ dựa cho lậu, nên gọi là hữu lậu. Thí dụ này không đúng, vì ở quá khứ, vị lai, nói dấy khởi hiện tại. Do chưa từng dựa vào quá khứ, vị lai để dấy khởi tham v.v... nơi hiện tại. Cho nên lối chấp quyết định của người kia chẳng phải thiện. Lại, kinh trên nói, hoặc tùy theo mỗi tùy phiền não khác nơi các pháp tâm sở chẳng phải tùy phiền não. Có phần chẳng phải tâm sở, vì giản lược, nên lại nói là tâm sở. Nên biết, lại nói về pháp tâm sở, tức biểu thị ở lời nói là cảnh thứ bảy. Lại, lẽ ra diệt đạo là chỗ nương của vô trí. Như nói: Vô minh lấy vô trí như khổ v.v... làm tánh.

Hỏi: Trong đấy, vì tiếng thứ bảy ở lời nói, nếu tiếng này đối với lời nói không thuận theo chỗ nương dựa, nhân vào đâu để cố chấp?

Đáp: Người kia nhất định cho là nương tựa, nên đối với sắc v.v... nuôi lớn si v.v... chẳng phải nhất định là nương tựa, mới gọi là hữu lậu. Lại, tất cả tiếng lẽ ra đều là vô lậu, do tiếng nhất định chẳng phải là chỗ nương tựa của lậu. Nhưng không chấp tiếng nhất định là vô lậu. Kinh nói: “Vì thể của tiếng là tạp nhiễm”, chẳng phải nói vô lậu là tạp nhiễm, là lời nói hợp lý.

Lại, thức thiện trong thân các phàm phu lẽ ra trở thành vô lậu, vì

chẳng phải là chỗ nương tựa của lậu. Nếu nói phần lậu vì theo đuổi, thì các thức của bậc Hữu học lẽ ra đều là hữu lậu. Lại, các hiển sắc như rượu, phân nhơ vì chẳng phải là chỗ nương tựa của lậu lẽ ra đều là vô lậu. Lại, thân A-la-hán là vô lậu, là không hợp với chánh lý, nên Khế kinh nói: “Tất cả các khổ đều dùng làm duyên, nên thân A-la-hán nhất định là khổ”. Khế kinh nói:

*A-la-hán qua đời
Sinh tâm rất vui mừng
Cũng như bỏ vật độc
Giống như hết các bệnh.*

Dùng thí dụ để nói: Nghiệp trước dẫn sanh sáu xứ, gọi là thọ mạng. Sáu xứ này nếu là vô lậu, thì bậc Thánh không nên quán như vật độc v.v... Như Khế kinh nói: Các A-la-hán thường tự cảm thấy xấu hổ, nhàm chán, giữ trách thân mình. Bậc Thánh không nên xấu hổ, nhàm chán, tự chê trách các pháp vô lậu, nên thân A-la-hán nhất định là hữu lậu. Do Khế kinh nói: Bị vô minh che lấp, tham ái trói buộc, kẻ ngu, người trí đồng cảm nhận có thân. Nếu cho vô minh chiêu cảm thân diệt, thì thân do minh khác dắt dẫn lại tiếp tục sinh. Người trí lẽ ra không có chỗ chiêu cảm của vô minh tham ái mà có thân. Ấy là trái với kinh nói: Có các phần giác, nên thành có quả. Nếu thân A-la-hán chẳng phải có, thì như bệnh, như chất độc đáng chán, nên hủy hoại thân. Mà nói chẳng phải thuộc về ba hữu kia, trừ Thí dụ Sự, ai là người chấp điều này? Lại các pháp như nhãn v.v... có lỗi lìa lìa, vì thể tướng đồng, không nên chấp riêng.

Lại, theo Bộ Thí Dụ: Nhãn v.v... trong thân phàm phu, cũng chẳng phải là chỗ dựa của các lậu. Người kia cho năm thức không nhiễm ô. Nếu A-la-hán không có các thủ uẩn thì Há không trái với kinh ư? Như nói: Người kia quán năm thủ uẩn của mình, như bệnh ung nhọt v.v... Lại, truyền thuyết kia chấp cho pháp ngoài của phi hữu tình số là khổ mà chẳng phải khổ đế, nên chấp có tham, chẳng phải tham tùy miên. Nhãn chẳng phải là nhãn giới, thọ chẳng phải là thọ uẩn. Như Khế kinh nói: Xúc cùng sinh ra thọ, gọi là thọ uẩn cho nên các khổ đều là khổ đế. Do Khế kinh nói: Nếu đối với các khổ, hoặc đối với khổ tập, mê hoặc, do dự, là sinh nghi đối với khổ đế, tập đế.

Đã nói như thế, luận Thí Dụ luận tông quan tâm chỗ chí lý, vì có chí giáo làm chứng cho chấp kia chẳng? kia cho là cũng có, nên Khế kinh nói: Lìa tham, giận, si thì lìa các lậu. Lại nói có, việc sáu tâm che đây, cái gọi là hữu lậu, tức có sự chấp giữ các sắc tâm, với sự đặt để,

che phủ. Tiếng v.v... cũng thế. Phái kia cho rằng, trong đây, tâm có sự đặt để che phủ. Đã nói hữu lậu, có sự chấp giữ các sắc nên biết có các sắc vô lậu riêng, nói rộng cho đến xúc cũng như thế. Phái kia đã dựa vào nghĩa, để y theo vọng làm chấp này. Nhưng trong Thánh giáo, không nên dựa vào nghĩa ấy, y theo môn lý để khởi các hý luận. Như Khế kinh nói: “Tất cả các xúc của ngã đã sinh ra thọ, tất cả đều diệt”. Cũng nên chuẩn y theo nghĩa có các thọ riêng, chẳng phải do xúc sinh ra, mà không nên thừa nhận.

Lại Khế kinh nói: “Đại Ca-diếp-ba, đối với nhà thí chủ, tâm không bị trói buộc, dính mắc, thì cũng thích ứng với nghĩa chuẩn y. A-la-hán khác, đối với nhà thí chủ, tâm có dính mắc.”. Lại, trong kinh kia, chẳng phải dung nạp nghĩa chuẩn không như âm thanh. Do kinh kia không nói, nghĩa là nếu hữu lậu, có chấp giữ các sắc, tâm có sự che đậy, chỉ nói là hữu lậu có chấp giữ các sắc, tâm có việc che đậy. Đây là nói lên lỗi của sắc, chẳng phải giản lược sắc. Cho nên tông kia cũng không có giáo pháp tột bậc. Mặc dù Thượng tọa bộ kia đã lầm dẫn kinh cho rằng: “Nếu các Bí-sô hữu lậu, có chấp, thì hiện pháp họ không nhập Niết-bàn”.

Lại dẫn kinh nói:

*Chân Phạm, lìa các lậu
Không nhiễm đắm thế gian
Là Độc giác, Đức Thế Tôn
Tự tại lìa các lậu.*

Nghĩa này và nghĩa kia đều không tương ứng. Ta cũng không thừa nhận A-la-hán v.v... đều là hữu lậu, thủ. Mắt v.v... tuy gọi là hữu lậu thuận với thủ, nhưng chẳng phải lậu, thủ. Kinh cũng không nói A-la-hán v.v... không có pháp thuận với thủ, lìa các hữu lậu.

Nói “không nhiễm” nghĩa là đối với tất cả cảnh giới ở thế gian, phiền não đã được dứt trừ, nên do Khế kinh mà gọi là tham v.v... Nhiễm, là thọ nhận các sự thuộc về thế gian và nơi tất cả đường lìa hẳn tham v.v... nên gọi là không nhiễm. Do nghĩa này tức giải thích, Khế kinh khác nói: Phật bảo Bí-sô! A-la-hán v.v... đã được lìa mọi trói buộc của các thế gian, tuy thực hành việc thế gian, nhưng có khả năng điều phục, không bị thế gian làm nhiễm ô, nghĩa là đối với các việc hữu lậu ở thế gian đều không bị tất cả phiền não trói buộc. Cho nên nói A-la-hán v.v... đã được lìa các trói buộc ở thế gian, dù hành hóa nơi thế gian, nhưng vẫn có khả năng điều phục.

Không bị thế gian làm nhiễm ô: Ý kinh này nói: A-la-hán v.v...

dù ở thế gian, nhưng cũng lại thành tựu, vì ở thế gian được đối trị, nên đã chế ngự, dứt trừ mọi phiền não nhiễm ô của thế gian. Cho nên, tông phái kia đều không có giáo pháp tội bậc. Lại, thuyết kia khởi chấp, dựa vào môn giáo huấn, nghĩa là với lậu đều gọi là hữu lậu. Sự giải thích này là phi lý, vì lập tướng khác. Như Khế kinh nói: Nghĩa là các sắc v.v... có nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, sinh trưởng hiện bày ái hoặc giận, hoặc mạn, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào quá khứ, vị lai và g hiện tại cùng khởi?

Đáp: Lại phái Thí dụ chỉ lưỡng khuấy hư không. Mười lăm giới trước trong mười tám giới đều hoàn toàn hữu lậu như kinh đã nói. Nghĩa là như Khế kinh nói: Pháp hữu lậu, nghĩa là các mắt hiện có, các sắc hiện có, các nhãn thức hiện có như thế, cho đến các chỗ có của thân xúc, thân thức, tc các lời nói đủ rõ không có nghĩa khác. Phái kia nói: Chúng ta không tụng kinh này, chẳng phải không tụng kinh này, mà thành an lạc, vì nếu muốn trở thành an lạc thì phải siêng năng tụng kinh. Lại, phái kia không dùng tất cả Khế kinh, đều vì sự xét lường cố định Há gọi là bộ kinh, nghĩa là thấy Khế kinh, trái với nghĩa chính mà mình đã chấp, lập tức bài bác, hoặc theo lối chấp của mình, sửa đổi thành văn khác rồi nói là văn của bản kinh có sai lầm là do ở người truyền tụng. Hoặc tất cả đều không tín thọ, như kinh thuận theo xứ riêng, đều nói không thuộc về Thánh giáo. Đối với pháp này: Thật sự yêu thích tông chỉ của mình, chế tạo, đặt để trong A-cấp-ma. Phái Thí giả Dụ kia, do đó, nên trái với vô lượng kinh, trái vượt lời Thánh, thường khởi chấp dị biệt. Trong luận này, ta sẽ dần dần chỉ rõ. Đã nói về hữu lậu và nhân hữu lậu xong.

Hỏi: Thế nào là vô lậu?

Đáp: Nghĩa là đạo Thánh đế và ba vô vi.

Có giải thích khác rằng: Vì cùng loại với lậu, v.v... nên gọi là hữu lậu, như có dòng họ.

Lại có giải thích rằng: Vì bị lậu làm ô nhiễm, nên gọi là hữu lậu, như thức ăn có chất độc.

Hoặc có giải thích rằng: Vì đều cùng hữu lậu đều dứt, nên gọi là hữu lậu. Như trời Đế thích có Đất-sách-ca, cùng gắn liền với Sách-ca đó.

Các loại như thế là đã được , giải thích khá nhiều. Trái với đây, gọi là pháp vô lậu.

Đạo Thánh đế: Nghĩa là chẳng phải năm uẩn như sắc hữu lậu v.v... Ba vô vi: Là hư không và hai diệt là trạch diệt và phi trạch diệt.

Ba thứ vô vi: Hư không v.v... ấy cùng đạo Thánh đế, do nhân duyên này gọi là vô lậu.

Kế là trước, đã nói về đạo Thánh đế, sau sẽ nói rộng.

Ở phần giản lược, chỗ nói về ba vô vi thì hư không vô vi chỉ dùng không ngăn ngại làm tánh, ở đó, các pháp được hiện bày rất rõ, nên gọi là hư không. Đây là không ngăn ngại, dùng làm tướng của hư không tất cả. Đại chủng hiện có và nhóm sắc được tạo, tất cả không thể ngăn che khắp, hoặc chẳng phải là đối tượng bị chướng ngại, cũng chẳng phải là chủ thể gây chướng ngại. Cho nên nói: Không có chướng ngại làm tướng.

Đã nói về hư không. Trạch diệt, tức lấy sự lia buộc làm tánh. Đối với bốn Thánh đế đều khác nhau, nên gọi là trạch. Tức là chỗ sai khác của tuệ thiện làm tánh, Niết-bàn lia buộc là quả này nên gọi là trạch diệt.

Có thuyết nói rằng: Các pháp bị dứt đều đồng một trạch diệt. Theo đối pháp mà nói, tùy theo trói buộc khác nhau, nếu các chỗ dứt đồng một trạch diệt, chứng đắc khổ pháp trí nhãn là đã dứt phiền não, phiền não còn lại diệt là chứng đắc chướng? Nếu chứng đắc thì sẽ tu đối trị khác, tức là không có dụng công! Nếu không chứng đắc, thế thì một vật chứng, dù ít nhưng không còn lại, tức là trái nhau với lý, vì có phần lỗi.

Do quyết định này, lẽ ra chấp lia sự trói buộc, tùy theo lượng của sự trói buộc, không trái với chánh lý.

Đã nói về trạch diệt. Vĩnh viễn ngăn ngại sẽ sinh được phi trạch diệt. Trạch, nghĩa là như lý, dốc sức thành tựu tuệ, không do tuệ ấy có pháp vĩnh viễn tạo chướng ngại nơi pháp vị lai sinh, gọi là phi trạch diệt. Như khi mất với ý chuyên chú nơi một sắc, đối với các sắc khác và tất cả thanh, hương, vị, xúc, v.v... trong niệm niệm diệt, đối với phần ít của sắc kia thì ý xứ, pháp xứ có được phi trạch diệt vì thân năm thức và một phần thân ý thức nơi cảnh đã diệt, không bao giờ sinh được. Duyên đi chung với cảnh nên do duyên đó sinh công dụng hệ thuộc đồng thời, vì duyên nương tựa. Nếu pháp gây ra trở ngại, pháp kia sinh tác dụng-pháp này lia tuệ, nhất định gây ra trở ngại cho pháp kia, khiến ở vị lai không bao giờ sinh, nên được gọi là phi trạch diệt. Pháp này thật có, về sau sẽ thành lập, vì thuận theo thứ lớp về lý của bản văn. Trước đã nói là ngoại trừ đạo, các pháp hữu vi khác, gọi là hữu lậu.

Sao gọi là hữu vi? Cần phải nói rõ.

Tụng nêu:

*Lại các pháp hữu vi
Chính là năm uẩn sắc
Là đường đời, ngôn y
Có sự việc xa lìa.*

Luận nói: Vì sự sai khác nơi tai họa đột ngột của già, bệnh, chết v.v..., ẩn chứa sự tổn hại ngầm, nên gọi là uẩn. Vì là giới v.v... riêng nên nói sắc v.v... năm uẩn như giới, không có thể thâm nhiếp đủ tất cả hữu vi: Năm uẩn như sắc v.v... thâm nhiếp hữu vi, nên ở đây nói riêng. Gọi là hữu vi, tức cùng các duyên tụ tập được sinh.

Hỏi: Vị lai chưa khởi sao gọi là hữu vi?

Đáp: Vì là cùng loại, nên cũng gọi là hữu vi. Như củi bị đốt, ở phần chưa đốt, là cùng loại với củi kia, nên cũng gọi là củi. Hoặc căn cứ nơi sự hội đủ để đặt tên, không có lỗi. Như đàn cầm, sắt v.v..., gọi là có âm thanh. Cũng như vú sữa, ao hoa sen v.v... Các pháp bất sinh mà không vượt qua loại kia, nên gọi là hữu vi. Pháp hữu vi này, trong các kinh Đức Thế Tôn tùy theo nghĩa, gọi là đường đời v.v...

Hỏi: Pháp kia lại như thế nào?

Đáp: Nghĩa là các pháp hữu vi cũng gọi là đường đời, Năm uẩn như sắc v.v... là pháp sinh diệt, lưu chuyển trong đường vị lai, hiện tại, quá khứ, nên các pháp bất sinh, vì thiếu các duyên. Tuy lại bất sinh, nhưng vì cùng loại với pháp kia, nên đặt tên, không lỗi.

Có thuyết nói: Vì bị vô thường ăn nuốt nên gọi là đường đời. Hoặc gọi là ngôn y. Ngôn là ngôn âm, hoặc gọi là chủ thể thuyết. Đây là sự khác nhau của tiếng nói tương tục, y là danh và nghĩa, tức thâm nhiếp đủ năm uẩn. Như Khế kinh nói: Ngôn y có ba, không có bốn, không có năm. Do đó, khéo hiểu Túc Luận Phẩm Loại kia nói: Ngôn y thuộc về năm uẩn, lẽ ra cũng không dựa vào vô vi đấy khởi để nói?

Hỏi: Vì sao nghĩa kia không lập là ngôn y?

Đáp: Vì nghĩa kia cùng với danh không cùng có lý, như nói: Ngôn y, tức danh cùng nghĩa. Nếu nghĩa và danh có thể cùng nêu sẽ lập làm ngôn y. Vì nghĩa vô vi và tên gọi hữu vi, không thể đều cùng nói, do không cùng nghĩa, nên không lập là ngôn y, vì rơi vào đời, và lìa khỏi đời, không cùng lý. Hoặc vì diệt này, nên lập ra vô vi. Khế kinh nói: Uẩn diệt, gọi là diệt, diệt chẳng phải ngôn y. Ngôn y là uẩn.

Lại có giải thích rằng: Nếu ba phần của xứ ấy có thể đạt được thì lập làm ngôn y, nghĩa là dựa vào ngữ, nghĩa, vô vi chỉ là nghĩa, nên chẳng phải ngôn y.

Có thuyết nói: Cũng y mà thiếu về ngữ, hoặc gọi là có lìa, tức

trong các đường luân hồi chìm đắm trong sinh tử. Niết-bàn rời bỏ hẳn, nên gọi là lia. Là nghĩa dứt hẳn thường lưu chuyển trong các đường. Nếu đã đến được nhất định, không còn trở lại. Vì ở đây có lia, nên nói là có lia. Như người có cửa, gọi là có cửa, tức là hữu vi có nghĩa xuất ly. Tất cả hữu vi đều giống như thuyền, bè, cho nên Thánh đạo cũng phải lia bỏ. Như Khế kinh nói: “Pháp còn nên dứt, hướng chi là phi pháp”. Hoặc gọi là có sự. Sự, là chỗ nương dựa, hoặc là chỗ trụ, tức là nghĩa của nhân. Quả dựa vào nhân, vì từ nhân sinh, như con nương vào mẹ. Hoặc quả trụ vào nhân, vì có thể che lấp nhân. Như người ở trên giường, là nghĩa nhân, bị quả che lấp nhân, quả, trước sau và tánh thô, tế nên ở đây có sự, gọi là có sự, dụ như trước đã nói. Pháp này chỉ là hữu vi. Các loại như thế v.v... là nói về các tên gọi khác nhau của pháp hữu vi. Ở đây, nói về trong pháp hữu vi.

Tụng nói:

*Hữu lậu gọi thủ uẩn
Cũng nói là hữu tránh
Và khổ, tập thế gian
Kiến xứ và ba hữu v.v...*

Luận nói: Sao chẳng nói ở trước trừ đạo Thánh đế, pháp hữu vi khác gọi là hữu lậu.

Hỏi: Vì sao trong đây nói lập lại?

Đáp: Tuy trước đã nói, nhưng vì muốn làm rõ sự khác nhau về danh, tướng, hoặc vì hiển bày về nghĩa danh, tướng, nhất định của pháp hữu vi, nên lại nói lần nữa. Trước hết, tất cả hữu vi gọi là uẩn. Nay, nói hữu lậu gọi là thủ uẩn. Về nghĩa, y cứ ở vô lậu, chỉ gọi là uẩn, tức trong các lậu lập thủ gọi là tướng. Do có thể chấp lấy ba hữu sinh, hoặc có thể chấp giữ, dẫn sinh nghiệp của hữu sau, nên gọi là thủ. Uẩn từ thủ sinh, hoặc có thể sinh ra thủ, nên gọi là thủ uẩn. Như cỏ, trái, lửa, như hoa, quả, cây. Tức pháp hữu lậu, cũng gọi là hữu tránh, nghĩa là trong phiền não đã đặt tên tướng tranh cãi. Vì xúc gây động nơi phẩm thiện, tổn hại nơi mình, người, nên uẩn cùng với sự tranh cãi thuận hợp. Hoặc uẩn và tranh cãi cùng kết hợp mà được sinh khởi, nên gọi là hữu tránh. Ở đây ý chỉ rõ uẩn và sự tranh cãi, không thể thiếu bất cứ một pháp nào, pháp khác có thể được sinh. Và để nêu rõ danh, tướng của hữu lậu khác. Nghĩa là, hoặc gọi là khổ, tức năm thủ uẩn, là chỗ nương tựa của các sự ép ngặt, vì tự tánh thô nặng, không yên ổn. Hoặc gọi là tập, tức chủng loại của tập kia có khả năng làm nhân, vì có thể tập thành. Hoặc gọi là thế gian, vì có thể hủy hoại như Đức Thế Tôn nói: Tánh có thể

hủy hoại nên gọi là thế gian.

Nếu vậy, Đạo đế lẽ ra là thế gian? Không đúng thì sự hủy hoại thứ hai không có? Vì tánh hủy hoại của Đạo đế không nhất định, còn tánh hủy hoại của thế gian thì quyết định. Hoặc gọi là kiến, xứ, vì miên tùy tăng trong năm kiến trụ, như Tát-ca-da-kiến, Há không là tất cả phiến não hữu lậu đều tùy tăng ư? Há không là các kiến lậu thuộc về thủ uẩn, hữu tránh mà ở trước đã nói?

Dù có lý này, nhưng các kiến kia, đối với tất cả chủng loại của pháp hữu lậu, thời gian hình tướng không có khác nhau. Vì chấp chặt, không động, theo đáy mà tăng miên, nên thể dụng càng tăng. Vì biểu thị hữu lậu là chủ thể sinh trưởng, đối với các kiến, xứ này, cần phải nói lại. Tham bằng với si, nghi thì không đúng, do tham v.v... kia có tất cả chủng, không có tất cả thời gian, si với tất cả thời gian chẳng phải không có khác nhau. Nghi thì không có sai khác, mà không chấp chặt, cho nên, hữu lậu, không nói xứ kia. Hoặc gọi là ba hữu, có nhân, có nương dựa, do thuộc về ba hữu nên cùng nói là thâm nhiếp, gọi là có nhiệm v.v... Các loại như thế v.v... là pháp hữu lậu, tùy theo nơi nghĩa nà có tên khác nhau. Như trên đã nói, năm uẩn như sắc v.v... gọi là pháp hữu vi, Sắc uẩn là gì?

Tụng nói:

*Sắc uẩn là năm căn
Năm cảnh và vô biểu.*

Luận nói: Sắc, là sắc uẩn. Nói năm căn: là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nói năm cảnh: là sắc, thanh, hương, vị, và cảnh được xúc. Nghĩa là đối tượng được hiện hành thuộc về mắt v.v... Và vô biểu: là sắc của pháp xứ, chữ chỉ, là chỉ chỗ hiển bày ấy, phần ít của mười xứ, một xứ, gọi là sắc uẩn.

Hỏi: Các sắc như thế, tướng của chúng thế nào?

Tụng rằng:

*Thức kia nương tịnh sắc
Gọi năm căn như nhãn...*

Luận nói: Căn kia, nghĩa là trước đã nói về năm căn như mắt v.v... thức, tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, thức, dựa vào nghĩa là chỗ dựa của năm thức như nhãn thức v.v...

Như thế, tịnh sắc đối tượng được nương tựa làm thể, tức tịnh sắc ấy gọi là căn như mắt v.v... Nên Bạc-già-phạm trong Khế kinh nói: Tịnh sắc của căn như nhãn v.v... làm tướng. Bản luận này cũng nói: Thế nào là nhãn căn? Là chỗ dựa của nhãn thức lấy tịnh sắc làm tánh. Nói

rộng như thế trong các Thánh giáo, do căn khác với thức, nên không lấy cảnh giới. Do đó, biết lời nói ấy là chỉ rõ căn, chẳng phải cảnh.

Có thuyết nói: Lời nói ấy là cảnh chẳng phải căn, mà vì không có ý thức duyên nơi sắc v.v... nên gọi là thức như sắc v.v... đối tượng được nương dựa của thức kia, gọi là lỗi của mắt v.v..., do tịnh sắc nói về chỗ phân biệt.

Hỏi: Nếu vậy, nói sắc nên thành không có công dụng chẳng?

Đáp: Thức kia dựa vào chỗ tịnh, gọi là căn, như mắt v.v... vì nghĩa đã thành nên tịnh không là đối tượng được nương tựa của thức, mà chẳng phải sắc, vì phân biệt tịnh sắc kia, nên dùng sắc để nói.

Hỏi: Nếu cho rằng sắc là Khế kinh nói, thì Khế kinh có thể như thế, không nói thức dựa vào chỗ khác nhau mà nói. Nếu cho lời ấy là của bản luận này nói, thì người kia cũng đồng nghi, nên cùng tư duy, chọn lựa?

Đáp: Giải thích như thế là đã dứt trừ nghi ngờ, vấn nạn, nên cần giữ lấy lời nói về sắc. Nếu thức dựa vào lời nói tức căn cứ theo hữu tài thích. Tức nên tịnh tín, gọi là căn như mắt v.v..., nên giữ lấy lời nói về sắc. Vì phân biệt giải thích ấy, không có một pháp nào cho thức nương nơi sắc mà thành tịnh để có thể là cách giải thích ấy. Cho nên, nói sắc rất có công dụng. Do đó, tức giải thích chỗ mà luận này nói. Lại, ở đây lời nói trước, là phân biệt về bốn căn như tai v.v... căn kia tuy đều dùng tịnh sắc làm tánh, nhưng căn ấy chẳng phải là chỗ dựa của nhãn thức, nên bốn căn kia, chẳng thuộc về nhãn căn. Lời nói sau là phân biệt về chỗ dựa của vô gián diệt. Căn kia tuy cũng là chỗ nương tựa của nhãn thức, nhưng chẳng phải dùng tịnh sắc làm tánh, nên ý căn nọ chẳng thuộc về nhãn căn. Hoặc lại như trước đã nói, là hiển bày mắt của đồng phần, sau nói là làm rõ hơn mắt của đồng phần kia. Các căn khác cũng thế.

Nếu vậy, tướng của tịnh sắc không có riêng, nên không thành năm. Không như vậy, thì công năng có khác nhau.

Hỏi: Làm sao biết được công năng riêng?

Đáp: Vì định, chỗ dựa của thức, cảnh không chung. Lại, vì nhân khác nhau, nên hiện thấy nhân quả riêng có khác nhau. Cũng như âm thanh đàn cầm, sắt, ống tiêu, sáo v.v... nhưng mắt, tai v.v... chỗ nhân nơi bốn đại, đều có khác nhau. Vì nhân khác nhau, nên Thể của tịnh sắc như mắt v.v... có khác nhau.

Thể tuy có nhân riêng, không khác, nên tịnh sắc của quả kia lẽ ra không có riêng.

Vấn nạn này không đúng, vì tuy đồng một tướng, nhưng vì hiện thấy khác, cũng như chỗ khác nhau của đại chủng trong ngoài. Nếu nói như tiếng, thì nhân tuy có riêng, mà tướng là một, nên thuộc về đồng một xứ.

Năm căn như mắt v.v... cũng phải như vậy, tức không có lỗi như thế. Tiếng dù có nhân riêng, nhưng vì làm cảnh giới cho một thức, nên thuộc về một xứ. Năm căn như mắt v.v..., vì tánh là chỗ nương tựa của thức, cảnh theo loại khác nhau. Lại, là sự nương tựa riêng nơi chỗ hiển bày của dụng, nên không thích ứng với các căn thuộc cùng một xứ. Lại như thức, thọ, tuy cùng phân biệt, lãnh nạp một tướng, nhưng do nhân riêng, nên có sáu thức, ba thọ khác nhau. Các căn này cũng như thế. Như thức, thọ kia, dù sáu, ba khác, mà vì tướng đồng, nên thuộc về một xứ.

Mắt v.v... lẽ ra cũng thuộc về một xứ. Thọ và vô vi, nhân đâu có đồng xứ, nên chẳng thuộc về một xứ, về chỗ nêu rõ tự tướng đồng có. Tự tướng tuy khác, nhưng thuộc về đồng xứ. Đã nói về tướng của mắt v.v... nay sẽ nói nói Sắc, v.v....

Tụng nêu:

*Sắc hai hoặc hai mươi
Tiếng chỉ có tám thứ
Vị sáu, hương bốn thứ
Xúc mười một, là tánh.*

Luận nói: Nói sắc hai: là nghĩa hai thứ, tức hiển và hình. Trong ấy, hiển sắc có mười hai thứ, hình sắc có tám, nên nói “hoặc hai mươi. Hiển mười hai: tức xanh, vàng, đỏ, trắng, mây, khói, bụi, sương mù, ảnh, ánh sáng, sáng, tối. Bốn thứ như xanh v.v... trong mười hai thứ gọi là chánh hiển sắc, tám thứ như mây v.v... là sự sai khác của sắc này.

Nghĩa của sắc kia còn ẩn, nay sẽ lược giải thích: Khí của đất, nước, xông lên, gọi là sương mù. Ngăn che chỗ dấy khởi của ánh sáng, trong đó, sắc khác có thể thấy, gọi là ảnh. Trái với đây gọi là tối.

Ánh sáng của mặt trời, gọi là ánh sáng (quang), chỗ sáng của trắng, sao, lửa, thuốc, ngọc báu, điện v.v... gọi là sáng (minh).

Hình sắc tám. Đó là dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, ngay, không ngay, chánh trong đây là hình bình đẳng. Hình không bình đẳng, gọi là không ngay. Sắc khác vì dễ hiểu nên nay không giải thích.

Có thuyết nói: Sắc có hai mươi một thứ. Thêm một không là hiển sắc thứ hai mươi một. Đây là sự khác nhau giữa sắc và cảnh giới không. Trong Hiển sắc, xanh, vàng, đỏ, trắng, ảnh, ánh sáng, sáng, tối, chính

là hiển rõ, có thể biết. Ở trong hình sắc tánh của Thân biểu nghiệp chỉ hiện hình có thể hiểu rõ. Hình, hiển của sắc khác đều có thể biết.

Hỏi: Vì sao một sự có hai thể?

Đáp: Vì không được Tông thừa nhận nên không có lỗi này. Trong phẩm nói về nghiệp, sẽ lại tư duy, lựa chọn. Đã nói về xứ sắc, nay sẽ nói về xứ thanh.

Vì có thể có kêu, gọi, nên gọi là tiếng. Hoặc chỉ tiếng vang, gọi đó là tiếng. Thánh giáo của đấng Thiện Thệ đều nói rằng: Tiếng là cảnh giới nhận lấy của nhĩ căn, là tánh của sắc được tạo do bốn đại chủng. Tiếng này có tám thứ: Nghĩa là có chấp thọ, hoặc không có chấp thọ đại chủng làm nhân, cùng sự khác nhau giữa số hữu tình, số phi hữu tình, là bốn. Tiếng này lại có sự khác nhau giữa vừa ý, không vừa ý, thành tám.

Chấp thọ đại chủng, là thuộc về số hữu tình của đời hiện tại, nuôi lớn các địa như đẳng lưu, dị thực v.v..., trái với đây, gọi là không có chấp thọ. Trong đó, Tiếng có chấp thọ đại chủng làm nhân có hai thứ: Nghĩa là loại hữu tình do gia hạnh sinh và loại hữu tình khác, không đợi gia hạnh mà khởi. Loại hữu tình do gia hạnh sinh ra, lại có hai hạng:

1. Do gia hạnh như tay v.v... sinh ra.
2. Dùng nghiệp ngữ biểu làm tự tánh.

Nghiệp ngữ biểu này có hai thứ, là nương nơi danh khởi, và không nhờ vào danh. Nương vào danh khởi lại có hai thứ:

1. Hữu ký.
2. Vô ký.

Không nhờ vào danh, có hai thứ cũng vậy. Đó là tiếng có chấp thọ đại chủng làm nhân, với tướng sai khác như vậy. Về tiếng không có chấp thọ đại chủng làm nhân cũng có hai thứ:

1. Do gia hạnh của hữu tình khởi.
2. Do sự quấy động của các cảnh giới sinh ra.

Trước hết, là các âm thanh của tù và, chuông, trống v.v... Sau, là các tiếng của gió, rừng, sông v.v... phát ra.

Số hữu tình, nghĩa là như tiếng chuyển động của lời nói, tay v.v... Tiếng khác, tức là số phi hữu tình.

Như thế, nghe các âm thanh, cảm thấy hài lòng, gọi là tiếng vừa ý, trái với tiếng này, gọi là không vừa ý. Trong tám thứ âm thanh, chỉ có hai thứ đầu là hợp lý. Do số hữu tình và số phi hữu tình, tức có chấp thọ và không có chấp thọ đại chủng làm nhân, là thuộc về tiếng. Đối với sắc v.v... cũng có thể nói vừa ý v.v... khác nhau. Đâu riêng gì ở tiếng.

Sắc v.v... cũng nên nói là có chấp thọ và không có chấp thọ đại chủng làm nhân. Lý thật là nên nói như vậy. Nhưng do tự tánh của thanh xứ rất khó biết, nên chỉ căn cứ ở nhân để nói có hai thứ. Còn sắc v.v... thì không như vậy, cho nên không nói. Vì tướng của thanh thuộc về bản luận này không khác, nên không cần lập tám thứ tiếng ấy. Há không có tiếng dùng có chấp thọ đại chủng và không có chấp thọ đại chủng làm nhân, mà được sinh khởi? Như tay, trống v.v... hợp lại sinh ra tiếng, không có tiếng như thế. Cả hai thứ tiếng có đủ bốn đại, vì đều có quả khác nhau, nên chẳng phải hai thứ bốn đại đồng được một quả, làm nhân Câu hữu, vì trở thành lỗi. Tuy có chấp thọ và không có chấp thọ, khua, đánh, tướng chung của bốn đại chủng nơi hai thứ cùng làm nhân, đều phát ra tiếng khác nhau, tiếng đó vì đều căn cứ chính nơi nương tựa của nó, nên không thành ba thể. Mặc dù có chấp thọ và không có chấp thọ nơi đại chủng tay, trống cùng đánh làm nhân phát sinh hai thứ tiếng, mà cùng lẫn át xâm đoạt, tùy theo chỗ chấp lấy một thứ, với hình tướng khác nhau của chúng chẳng phải dễ biết. Cho nên, xứ của tiếng chỉ có hai thứ.

Đã nói về xứ của tiếng, nay sẽ nói xứ của vị.

Vượt thứ lớp để nói: Vì chỉ rõ về căn cảnh, thức kia phát sinh không nhất định. Vị là cái bị ăn, là nghĩa có thể nếm, thưởng thức. Nghĩa này có sáu thứ: Vì ngọt, chua, mặn, cay, đắng, lạt khác nhau.

Đã nói về xứ vị, nay sẽ nói về xứ hương. Hương là cái bị ngửi. Đối tượng này có bốn thứ: Tức sự khác nhau của hương tốt, hương xấu, hương bằng nhau, hương không bằng nhau. Bằng và không bằng nhau nghĩa là tăng ích, tổn giảm, vì nương tựa nơi thân có khác nhau.

Có thuyết nói: Vì chỗ khác nhau của yếu ớt, tăng mạnh. Trong bản luận này nói: Hương có ba thứ: Hương tốt, hương xấu và hương bình đẳng. Nếu có thể nuôi lớn đại chủng của các căn, gọi là hương tốt. Trái với hương tốt gọi này là hương xấu. Không có hai công dụng trước, gọi là hương bình đẳng. Hoặc do các nghiệp phước tăng thượng sinh ra, gọi là hương tốt. Nếu do các nghiệp tội tăng thượng sinh ra gọi là hương xấu. Chỉ do uy lực của bốn đại chủng sinh ra gọi là hương bình đẳng. Hương này dù là quả tăng thượng, nhưng cũng có khác nhau, nên chỉ từ uy lực của đại chủng sinh ra, cũng thuộc về quả tăng thượng của hữu tình.

Đã nói về xứ hương, nay sẽ nói về xứ xúc:

Xúc, là đối tượng được tiếp xúc, mười một thứ là tánh, tức mười một thật, làm nghĩa thể, tức bốn đại chủng và bảy xúc được tạo ra: tánh

trơn, tánh nhám, tánh nặng, tánh nhẹ và lạnh, đói, khát.

Nếu vậy, thân căn phải trở thành đối tượng được xúc, tức là xúc này là chủ thể xúc của thân căn, thân căn nhất định tiếp xúc, do đó có thuyết nói: Thân căn chỉ là chủ thể xúc chẳng phải đối tượng xúc, ví như căn mắt là chủ thể thấy chẳng phải đối tượng thấy.

Lại có thuyết nói: Không có chút pháp nào có khả năng xúc chạm với chút pháp. Khi chỗ dựa, chỗ duyên sinh khởi không gián đoạn thì đặt tên tướng của xúc. Nếu dựa vào thức này, có thể được cảnh kia, thức này đối với cảnh kia, giả nói là chủ thể xúc, vì cảnh chẳng phải là chỗ tựa của thức nên chẳng phải là chủ thể xúc. Tức do nhân ấy chỉ nói về địa v.v... gọi là đối tượng được xúc. Dựa vào sắc v.v... kia để xác định chẳng phải là đối tượng được xúc, ý trong đây, nêu rõ dựa vào thân căn, thức, không duyên nơi cảnh kia mà sinh khởi.

Hỏi: Nếu sắc v.v... kia chẳng phải là đối tượng được xúc, vì sao hoa v.v... khi thân xúc chạm, thì sắc v.v... sẽ bị đổi thay, hủy hoại?

Đáp: Vì chỗ nương dựa kia bị tổn hoại. Vì hiện thấy chỗ nương tựa có tổn, có tăng, nên chủ thể nương dựa cũng có tổn, có tăng, chẳng phải ở đây có trái nhau. Như nơi chốn đất, màu mỡ, thấm nhuần, bón, tưới, lúa má, gặt hái, rừng rậm, tưới tốt sum suê, bị ép ngắt do ánh nắng gay gắt. Vì trái với hiện tượng này, nên biết, chỗ nương tựa nơi đại chủng bị hao tổn. Sắc v.v... của chủ thể nương tựa biến đổi, hủy hoại, chẳng phải chi khác. Với ngôn nghĩa như thế, sau sẽ nói rộng. Trong đây đại chủng đến phần kế sẽ nói. Nay, nên giải thích sơ lược về các tướng trơn, nhám v.v...

Trơn, tức là tánh, nên nói tánh trơn, như khác tức là tánh nên nói là tánh khác. Lời giải thích theo cách giáo huấn: Có thể cùng ép ngắt xúc chạm, nên gọi là trơn là mềm, ấm theo nghĩa găng giữ lấy, nghĩa này vì có tác dụng của nhám, nên gọi là có nhám. Như người có lông nói là có lông. Nhám tức là tánh, nên nói tánh nhám, là tên khác của sức thô nặng, cứng chắc. Vì có thể tạo sự trấn áp, nên gọi là nặng, là nghĩa có thể thành, tựu, hàng phục người khác. Nặng, tức là tánh nên nói có tánh nặng.

Tỳ-bà-sa nói: Vì khiến xứng hợp nơi cân bằng lên, nên gọi là nặng. Vì dễ có thể dời chuyển nên gọi là nhẹ. Hiện thấy hình vật nơi thế gian dù lớn mà có nhẹ, nên dễ khiến di động, nhẹ tức là tánh, nên nói là tánh nhẹ.

Tỳ-bà-sa nói: Vì không khiến xứng hợp với phần đầu rơi xuống, nên gọi là nhẹ. Do sự ép ngắt, ít ấm sắp sinh nơi vật kia nên gọi là lạnh.

Lại, khiến ngưng kết và dễ biết rõ, nên gọi là lạnh. Là nghĩa tổn, tăng nhanh chóng của hình vật kia có thể biết. Muốn ăn gọi là đói, muốn uống gọi là khát, Há không muốn là pháp tâm sở, nên trái với tướng của xúc?

Do ở trong nhân đặt tên quả, nên không có lỗi trái nhau, Như nói: Sông vui, tăng cấp cũng vui. Ăn là mạng của người, cỏ là mạng của đất. Chỗ khác chưa nói, vì sức buồn bực, yếu kém v.v... được xếp vào trong ấy, nên không nói riêng. Buồn bực không rời trơn láng. Sức là nhám, nặng, yếu kém, ở chỗ mềm, ấm, thuộc về tánh nhẹ. Như thế, chủng loại của đối tượng được xúc còn lại tùy theo chỗ thích hợp, được xếp vào mười một thứ.

Hỏi: Vì sao khiến trơn láng v.v... lần lượt khác nhau?

Đáp: Vì đại chủng là đối tượng nương tựa tăng, kém khác nhau, vì các giới nơi nước, lửa, tăng, nên sinh ra tánh trơn láng, vì giới nơi đất, gió tăng, nên sinh tánh nhám. Vì giới nơi đất, nước tăng, nên sinh tánh nặng, vì giới nơi lửa, gió tăng, nên sinh tánh nhẹ, do vậy tánh nặng trong thân chết, tăng riêng, vì giới nơi nước, gió tăng, nên sinh ra lạnh. Do đây cũng nói lạnh ấy là chỗ sinh ra buồn bực.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao nói không rời tánh trơn, tùy theo mỗi thứ tăng?

Đáp: Điều này không có lỗi, hoặc lại buồn bực: là sự sai khác của trơn láng, chẳng phải chỉ là tánh trơn. Nên biết nhân này cũng có khác nhau. Cho nên, tánh trơn, hoặc do giới nước, lửa tăng nên khởi, hoặc tăng giới nước lửa nên sinh. Do đó hai lời này không có lỗi trái nhau. Vì giới gió tăng, nên sinh đói, vì giới lửa tăng, nên sinh khát. Giới còn lại, tùy đối tượng thích ứng, đều sẽ phối hợp giải thích.

Chỗ tạo ra như thế, là ngoài đại chủng, có thể tánh riêng. Sau sẽ nói rộng.

